

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
cho 41 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB
thực hiện Dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi
Địa bàn: thôn Chánh Lợi và An Quang Đông, xã Cát Khánh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 54/2017/QĐ –UBND ngày 21/9/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến – Đề Gi;

Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh về việc xác định lại giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, hỗ trợ do GPMB thực hiện dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến – Đề Gi, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Văn bản số 198/TTr-HĐBT ngày 23/6/2020 và Biên bản cuộc họp ngày 12/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 41 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi, địa bàn xã Cát Khánh, huyện Phù Cát, với nội dung chính như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự trù cưỡng chế là: 12.583.236.000 đồng (Mười hai tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình: 12.312.364.000 đồng, bao gồm:

- | | |
|--|----------------------|
| + Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất: | 10.186.892.000 đồng; |
| + Giá trị bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc: | 1.661.962.000 đồng; |
| + Giá trị bồi thường cây cối, hoa màu: | 270.510.000 đồng; |
| + Giá trị bồi thường di chuyển tài sản, hỗ trợ khác: | 121.000.000 đồng; |
| + Giá trị thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB: | 72.000.000 đồng; |
| - Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): | 246.247.000 đồng; |
| - Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất: | 24.625.000 đồng; |

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo và phương án chi tiết theo Văn bản số 198/TTr-HĐBT ngày 23/6/2020 của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng).

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi.

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Phan Cao Thắng;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K19.(M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ ĐẤT ĐAI, VẬT KIẾN TRÚC, CÂY CỎI DO GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT,639), ĐOẠN CÁT TIỀN - ĐỀ GI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số thửa	Tờ chính lý số	Tờ BĐ địa chính	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích bị thu hồi (m ²)	DT đất xét bồi thường		Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cây cối	Các khoản hỗ trợ khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
								Đất ở (m ²)	Đất NN được bồi thường (m ²)	Giá trị bồi thường về đất	Giá trị hỗ trợ về đất							
I. Địa bàn thôn Chánh Lợi						77.438,6	26.153,5	110,0	26.043,5	2.042.683.485	4.749.037.250	6.791.720.735	700.170.950	164.694.440	25.000.000	31.000.000	7.712.586.125	
1	Hồ Văn Đức	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	434	2	11	1223,2	294,6		294,60	93.685.410	216.197.100	309.882.510	2.990.565	1.470.000		1.000.000	315.343.075	
			337	2	11	2997,9	849,3		849,30									
2	Huỳnh Thạch Công, vợ Phạm Thị Trang	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	252	5	19	3103,0	181,9		181,9	14.897.610	34.379.100	49.276.710		6.850.000			56.126.710	
3	Huỳnh Thị Phấn, chồng Nguyễn Trính	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	70	3	15	2347,9	391,2		391,20	58.743.360	135.561.600	194.304.960	644.254	3.451.440		1.000.000	199.400.654	
			415	2	11	419,2	419,2		419,20									
4	Mai Thị Chung	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	139	5	19	4201,8	4.201,8		4.201,80	344.127.420	794.140.200	1.138.267.620	293.730.716	23.012.000		5.000.000	1.460.010.336	
5	Mai Thị Huê	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	384	2	11	3484,6	1.578,1		1.578,10	129.246.390	298.260.900	427.507.290	8.941.200	8.107.000		5.000.000	449.555.490	
6	Ngô Tám	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	369	4	19	1876,8	1.082,0		1.082,00	88.615.800	204.498.000	293.113.800	0	0	0	0	293.113.800	
7	Ngô Thị Ánh	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	384	4	15	3504,4	1.499,3		1.499,30	124.594.470	287.525.700	412.120.170		5.225.000			417.345.170	
			324	4	15	1184,6	22,00		22,00									
8	Phan Văn Trường	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	181	5	19	487,7	487,70		487,70	39.942.630	92.175.300	132.117.930		2.548.000			134.665.930	
9	Phan Vĩnh Bình, vợ Nguyễn Thị Bé	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	226	5	19	2198,2	715,80	109,95	605,85	173.441.025	366.748.050	540.189.075	258.795.530	5.553.000	22.500.000	5.000.000	832.037.605	TĐC
10	Trần Văn Thành, vợ Lê Thị Ánh Ngọc	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	357	4	15	2186,6	1.361,10		1.361,10	137.048.490	374.561.700	511.610.190	32.174.000	11.381.000	2.500.000	6.000.000	563.665.190	
			258	4	15	1074,1	153,60		153,60									

TT	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số thửa	Tờ chính lý số	Tờ BĐ địa chính	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích bị thu hồi (m ²)	DT đất xét bồi thường		Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cây cối	Các khoản hỗ trợ khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
								Đất ở (m ²)	Đất NN được bồi thường (m ²)	Giá trị bồi thường về đất	Giá trị hỗ trợ về đất							
11	Trần Văn Trung, vợ Nguyễn Thị Thu	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	244	4	15	896,9	2,60		2,60	74.527.830	182.344.100	256.871.930	52.287.385	10.440.000		5.000.000	324.599.315	
			361	4	15	2265,5	904,70		904,70									
12	Ngô Tùng Cẩn	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	345	4	15	2525,7	665,10		665,10	72.022.080	166.204.800	238.226.880	636.300	2.020.000		1.000.000	241.883.180	
			348	4	15	1001,7	489,10		489,10									
13	Ngô Tùng Thành	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	54	3	15	1899,2	613,70		613,70	38.294.880	88.372.800	126.667.680		23.500.000			150.167.680	
14	Nguyễn Công Trục, vợ Hồ Thị Sáu	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	346	4	15	2361,8	126,20		126,20	7.874.880	18.172.800	26.047.680					26.047.680	
15	Nguyễn Cảnh Hòa, vợ Trần Thị Ngọc Tuyết	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	3	3	15	2484,3	234,20		234,20	114.833.940	265.001.400	379.835.340	16.611.840	6.860.000		1.000.000	404.307.180	
			10	3	15	7773,3	1.532,90		1.532,90									
16	Nguyễn Mao	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	343	4	15	1529,7	488,00		488,00	41.646.150	96.106.500	137.752.650					137.752.650	
			281	4	15	3570,1	20,50		20,50									
17	Nguyễn Ngọc Thuận	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	44	4	19	3744,7	884,80		884,70	55.205.280	127.396.800	182.602.080		1.530.000			184.132.080	
18	Nguyễn Văn Tân, vợ Trần Thị Giáo	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	73	4	19	3545,4	2.534,90		2.534,90	158.177.760	365.025.600	523.203.360		5.850.000			529.053.360	
19	Nguyễn Văn Mười	Thôn Chánh Lợi, xã Cát Khánh	406	3	11	5324,4	1.652,80		1.652,80	275.758.080	636.364.800	912.122.880	33.359.160	46.897.000		1.000.000	993.379.040	
			18	3	15	3949,3	2.233,10		2.233,10									
			351	3	15	2042,0	364,70		364,70									
			63	4	19	2234,6	168,60		168,60									
II. Địa bàn thôn An Quang Đông						25.907,70	9.949,90	254,01	9.695,89	1.053.228.215	2.341.942.770	3.395.170.985	961.790.895	105.816.240	96.000.000	41.000.000	4.599.778.120	
20	Hồ Ngọc Nam	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	7	1	6	122,3	122,3	0,00	122,3	10.016.370	23.114.700	33.131.070	190.890	2.400.000		1.000.000	36.721.960	
21	Võ Văn Thanh	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	10	1	6	84,6	84,60	84,60		74.025.000		74.025.000	169.122.450		24.000.000	5.000.000	272.147.450	TĐC

TT	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số thửa	Tờ chính lý số	Tờ BĐ địa chính	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích bị thu hồi (m ²)	DT đất xét bồi thường		Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cây cối	Các khoản hỗ trợ khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
								Đất ở (m ²)	Đất NN được bồi thường (m ²)	Giá trị bồi thường về đất	Giá trị hỗ trợ về đất							
22	Huỳnh Thị Thủy (chết), con Huỳnh Văn Dũng ĐĐKK	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	22	1	6	1099,1	1.099,10		1.099,10	90.016.290	207.729.900	297.746.190	2.706.750	19.774.000		1.000.000	321.226.940	
23	Lê Minh Thanh	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	27	1	6	727,8	727,80		727,80	59.606.820	137.554.200	197.161.020	18.331.680	1.145.000		1.000.000	217.637.700	
24	Nguyễn Thanh Tân, vợ Ngô Thị Giàu	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	28	1	6	1014,3	142,40	0,00	142,40	8.885.760	20.505.600	29.391.360		1.630.000		0	31.021.360	
25	Lê Văn Mùi	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	31	1	6	648,1	61,40		61,40	3.831.360	8.841.600	12.672.960	5.095.324	7.000.000		1.000.000	25.768.284	
26	Võ Thị Tâm	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	33	1	6	2316,6	148,10		148,10	12.129.390	27.990.900	40.120.290					40.120.290	
27	Lê Văn Liên, con Lê Văn Thảo ĐĐKK	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	43	1	6	1364,1	560,30		560,30	34.962.720	80.683.200	115.645.920	38.609.481	546.000		1.000.000	155.801.401	
28	Nguyễn Văn Ty, vợ Đinh Thị Thủy	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	52	1	11	867,9	610,80		610,80	50.515.920	116.575.200	167.091.120		1.973.760			169.064.880	
			49	1	6	974,7	6,00		6,00									
29	Phan Thị Nhiên	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	14	1	7	261,8	131,70		131,70	9.245.340	21.335.400	30.580.740	122.316.559	4.313.200		5.000.000	162.210.499	
30	Lương Trọng Lý, vợ Trần Thị Chanh	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	15	1	7	330,3	67,90		67,90	4.766.580	10.999.800	15.766.380	65.127.613	3.669.000		5.000.000	89.562.993	
31	Phan Đình Nhu, vợ Võ Thị Hoa	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	19	1	7	417,9	417,90	54,98	362,92	100.367.980	285.980.960	386.348.940	142.113.563	17.708.000	24.000.000	5.000.000	575.170.503	TĐC
32	Phan Đình Cương (chết), vợ Nguyễn Thị Hiệp	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	8	1	7	2080,4	540,60		540,60	33.733.440	77.846.400	111.579.840	0			5.000.000	116.579.840	

TT	Hộ gia đình	Địa chỉ	Số thửa	Tờ chính lý số	Tờ BĐ địa chính	Tổng diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích bị thu hồi (m ²)	DT đất xét bồi thường		Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đồng)		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cây cối	Các khoản hỗ trợ khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
								Đất ở (m ²)	Đất NN được bồi thường (m ²)	Giá trị bồi thường về đất	Giá trị hỗ trợ về đất							
33	Dương Văn Nam, vợ Nguyễn Thị Loan	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	15	1	6	277,3	277,30	69,35	207,95	95.304.925	173.222.350	268.527.275	192.125.749	16.760.000	24.000.000	5.000.000	506.413.024	TĐC
34	Nguyễn Văn Đĩnh (c), con dâu Nguyễn Thị Thành đại diện kê khai	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	10	1	11	623,1	623,10		623,10	38.881.440	89.726.400	128.607.840		3.700.000			132.307.840	
35	Nguyễn Văn Du, vợ Trần Thị Chụ	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	28	1	11	600,7	152,90		152,90	72.915.570	168.266.700	241.182.270	5.700.000	4.143.960			251.026.230	
			183	2	11	991,9	737,40		737,40									
36	Lương Thị Ý	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	44	1	11	755,3	318,80		318,80	26.109.720	60.253.200	86.362.920	1.590.750	1.020.160			88.973.830	
37	Lương Văn Mừng (c), vợ Phan Thị Rót	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	63	1	11	2008,0	181,60		181,60	14.873.040	34.322.400	49.195.440		740.000			49.935.440	
38	Nguyễn Tấn Toại, vợ Nguyễn Thị Nga	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	76	1	11	763,8	763,80		763,80	62.555.220	144.358.200	206.913.420	2.850.000	1.680.360			211.443.780	
39	Đoàn Minh Thành	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	91	1	11	637,1	637,10	45,08	592,02	124.605.030	362.142.660	486.747.690	160.872.966	11.443.000	24.000.000	5.000.000	688.063.656	TĐC
40	Nguyễn Nhung	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	123	1	11	948,2	389,80		389,80	35.135.100	81.081.000	116.216.100	2.850.000	1.372.800			120.438.900	
			103	1	11	1745,6	39,20		39,20									
41	Nguyễn Văn Hạnh	Thôn An Quang Đông, xã Cát Khánh	121	1	11	3532,8	394,00		394,00	90.745.200	209.412.000	300.157.200	32.187.120	4.797.000		1.000.000	338.141.320	
			122	1	11	714,0	714,00		714,00									
A	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ					103.346,3	36.103,4	363,96	35.739,34	3.095.911.700	7.090.980.020	10.186.891.720	1.661.961.845	270.510.680	121.000.000	72.000.000	12.312.364.000	
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB																246.247.000	
C	Kinh phí dự phòng cưỡng chế thu hồi đất																24.625.000	
D	Tổng cộng (A+B+C)																12.583.236.000	